

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Số: **711/2022/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố H, ngày 15 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số:753/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Anh Trương Cao V**, sinh năm 1974; địa chỉ: 1/24/106 T, phường P, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. **Chị Lê Nguyễn Mai T**, sinh năm 1974; địa chỉ: 1/24/106 T, phường P, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Cao V và chị Lê Nguyễn Mai T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 06/11/2003 nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp bất đồng quan điểm, vợ chồng thỉnh thoảng gây gổ, cãi vã nên đã sống ly thân nhau kể từ tháng 4 năm 2021 đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh Trương Cao V và chị Lê Nguyễn Mai T.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Cao Vĩnh P, sinh ngày 27/11/2003 và Trương Cao Vĩnh H, sinh ngày 30/5/2006. Hiện nay cháu H đang sống cùng anh V. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Trương Cao Vĩnh H cho anh Trương Cao V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lê Nguyễn Mai T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Riêng cháu Trương Cao Vĩnh P đã trưởng thành nên anh V, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh Trương Cao V và chị Lê Nguyễn Mai T tự nguyện thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Trương Cao V và chị Lê Nguyễn Mai T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Cao V và chị Lê Nguyễn Mai T mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Anh V, chị T đã nộp đủ 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0004647 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H nên không phải nộp nữa.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Cao V và chị Lê Nguyễn Mai T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Cao Vĩnh P, sinh ngày 27/11/2003 và Trương Cao Vĩnh H, sinh ngày 30/5/2006. Hiện nay cháu H đang sống cùng anh V. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Trương Cao Vĩnh H cho anh Trương Cao V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lê Nguyễn Mai T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Riêng cháu Trương Cao Vĩnh P đã trưởng thành nên anh V, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về tài sản chung: Anh Trương Cao V và chị Lê Nguyễn Mai T tự nguyện thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Trương Cao V và chị Lê Nguyễn Mai T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Cao V và chị Lê Nguyễn Mai T mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Anh V, chị T đã nộp đủ

300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0004647 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H nên không phải nộp nữa.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- TAND Tỉnh TTHuế;
- UBND phường L, Thành phố H (tại số 145 ngày 06/11/2003);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dân án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hương Lan